

Bản án số: 05/2017/HSST

Ngày: 27/4/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : Ông Nông Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nông Văn Chương, Nghề nghiệp: Cán bộ
Nơi công tác: Ban Tuyên giáo huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

2. Ông: Hoàng Văn Thọ, Nghề nghiệp: Cán bộ
Nơi công tác: Thanh tra huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà ông: Đàm Nhật Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà ông: Hoàng Văn Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. Tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2017/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/HSST-QĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2017 đối với:

*Bị cáo: **Long Văn Y**; Tên gọi khác: Không có; Sinh năm: 1976*

HKTT: xã T, huyện L, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông: K (Đã chết); Con bà: L (Đã chết). Bị cáo có 04 anh chị em, là con thứ 04; Vợ: Nông Thị L, sinh năm 1971, nghề nghiệp: trồng trọt, trú tại: xã T, huyện L, Cao Bằng; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm từ ngày 14/12/2016 đến nay. (có mặt)

** Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:*

1/ Bà: Nông Thị L, sinh năm 1971
trú tại: xã T, huyện L, Cao Bằng (vắng mặt)

** Những người làm chứng:*

1/ Ông: D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

2/ Ông: N, sinh năm 1981 (vắng mặt)

3/ Ông: L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

4/ Ông: X, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng trú tại: xã T, huyện L, Cao Bằng.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng số: 05/KSĐT ngày 05/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, bị cáo bị truy tố về hành vi phạm tội như sau: Hồi 15h05 ngày 13/12/2016, Công an huyện Bảo Lâm bắt quả tang Y có hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại lán của Y ở Bản Pan, Yên Thổ, Bảo Lâm, Cao Bằng. Khi bắt quả tang trong lán có 05 người gồm: Y, An, Lê, Đức, K. Vật chứng thu giữ được khi khám xét người Y gồm: 02 tép chất bột màu trắng (nghi hêrôin); 02 điện thoại di động Mastel A150; 01 ví da chứa 01 giấy CMND, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe đều mang tên Y; Tiền Việt Nam đồng: 1.390.000đ (*Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Y khai nhận: Toàn bộ số chất bột màu trắng bị bắt quả tang là hêrôin của Y mua với P nhà ở Bản Bó, Thái Học, Bảo Lâm. Cùng ngày CQĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Y và P, tạm giữ được: 02 gói chất bột màu trắng (nghi hêrôin) để trong 01 túi vải màu xám tại nhà của Y và 01 cân tiểu ly (nghi dùng để cân hêrôin) tại nhà của P ngoài ra không thu giữ gì thêm.

Ngày 15/12/2016, CQĐT mở niêm phong vật chứng cân số chất bột màu trắng tạm giữ được khi bắt quả tang và khám xét có trọng lượng **0,13 gam** (*Không thấy mười ba gam*) để gửi mẫu giám định. Tại Kết luận giám định số: 17/GĐMT ngày 20/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu gửi giám định là **heroine** (hêrôin).

Ngày 27/02/2017 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Bảo Lâm, CQĐT tiến hành kiểm tra số tiền 1.390.000đ tạm giữ được khi bắt quả tang Y, kết quả xác định đều là tiền thật VNĐ.

Qua quá trình điều tra Y khai nhận: Khoảng 19h00 ngày 12/12/2016 Y mua với P 01 gói nhỏ hêrôin không rõ trọng lượng vì không cân với giá 600.000đ. Trước đó, từ khoảng tháng 12/2015 Y còn mua hêrôin với P thêm 05 lần, mỗi lần mua với giá 600.000đ, đều không rõ trọng lượng vì không cân. Trong mỗi lần mua Y đều liên lạc trước bằng điện thoại với P hẹn địa điểm tại lều đường liên xã H, và xã T gần nhà P, khi mua bán chỉ có Y và P biết.

Mục đích Y mua hêrôin về nhà và lán để bản thân sử dụng và chia nhỏ ra bán lại cho các con nghiện để kiếm lời. Các lần bán đều không rõ trọng lượng hêrôin vì không cân và khi mua bán chỉ có Y với người mua biết. Cụ thể:

1. Bán cho D trú tại Bản Pan, Yên Thổ 04 lần. Lần 01 vào cuối năm 2015 tại lán của Y, Y bán 01 tép với giá 50.000đ. Lần 02 vào chiều ngày 12/12/2016 ở gần nhà L tại Bản Pan, Yên Thổ, Y bán 01 tép với giá 100.000đ. Lần 03 vào tối ngày 12/12/2016 ở gần nhà L tại Bản Pan, Yên Thổ, Y bán 01 tép với giá 50.000đ. Lần 04 ngày 13/12/2016 tại lán của Y, Y bán 01 tép với giá 50.000đ, lần này ngoài Y và An còn có L biết.

2. Bán cho Đ trú tại Bản Pan, Yên Thổ nhiều lần nhưng chỉ nhớ được 02 lần gần nhất vào ngày 12/12/2016 và khoảng bốn ngày trước đó tại lán của Y, Y bán mỗi lần 01 tép với giá 50.000đ/tép nhưng Đ chỉ trả trước 30.000đ.

3. Bán cho T trú tại Yên Thổ tất cả 03 lần, mỗi lần 01 tép, giá 50.000đ/tép. Địa điểm mua bán tại lán của Y, còn thời gian mua bán chỉ nhớ lần cuối vào ngày 08/12/2016.

4. Bán cho Q trú tại Yên Thổ 01 lần, 01 tép, giá 50.000đ ngay tại lán của Y vào khoảng tháng 8/2016.

Ngoài ra Y còn được cho L trú tại Yên Thổ cùng sử dụng 01 tép hêrôin không lấy tiền ngay tại lán của Y.

Qua điều tra các đối tượng An, Đ, Q đều thừa nhận được mua hêrôin với Y phù hợp với lời khai của Y.

Hành vi trên đây của Y đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Lâm lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Y về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Y từ 07 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù, vật chứng và án phí xử lý theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Từ tháng 12/2015 đến ngày 12/12/2016, bị cáo Y đã mua hêrôin với P tất cả 06 lần. Y mua hêrôin về để bản thân sử dụng và nhiều lần bán lại kiếm lời. Cụ thể Y đã bán hêrôin cho An (04 lần), Đ (nhiều lần nhưng chỉ nhớ cụ thể 02 lần), T (03 lần), Q (01 lần), thu được 480.000đ. Số hêrôin còn lại có tổng trọng lượng **0,13** gam Y chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an huyện Bảo Lâm thu giữ khi bắt quả tang và khám xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại Tòa đều phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người làm chứng, phù hợp với tang vật thu giữ khi bắt quả tang và khám xét.

Bị cáo Y thực hiện hành vi phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, vì động cơ mục đích vụ lợi, xâm phạm đến khách thể là chất ma túy do nhà nước độc quyền quản lý. Bản cáo trạng truy tố bị cáo Y về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết “*Phạm tội nhiều lần*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- *Nhân thân người phạm tội*: Bị cáo Y có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ mua trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì bản thân nghiện ma túy và háo lợi nên vẫn cố tình phạm tội. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp làm cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

- *Tình tiết tăng nặng*: Không có.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Người phạm tội thành khẩn khai báo (*điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự*).

Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy phải cách ly

bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định thì mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Trong vụ án này, đối với các đối tượng P bán hêrôin cho bị cáo Y và T mua hêrôin với bị cáo Y, hiện không có mặt tại địa phương không rõ đi đâu, việc CQĐT tiếp tục xác minh để xử lý sau là có căn cứ. Đối với An, Đ, Lê, Q mua hêrôin với bị cáo Y để bản thân sử dụng, không xác định được trọng lượng hêrôin khi mua bán, hành vi không cấu thành tội phạm, do vậy CQĐT ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ. Đối với K có mặt khi bắt quả tang bị cáo Y, qua điều tra xác định tại thời điểm xảy ra vụ án K không tham gia mua bán, sử dụng ma túy, do vậy Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Về hướng xử lý vật chứng: Đối với 01 Phong bì niêm phong vật chứng vụ án, 01 Cân tiểu ly thu giữ khi khám xét nhà của đối tượng P là người đã bán ma túy cho bị cáo, 01 túi vải màu xám đều có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe, 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Y và 01 ví da màu đen do không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo Y.

Đối với 01 Điện thoại di động Mastel A150 màu đỏ đen của bị cáo Y sử dụng làm phương tiện liên lạc để mua và bán ma túy nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 Điện thoại di động Mastel A150 màu xám, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định đó là điện thoại của bà L vợ của bị cáo Y đưa cho bị cáo giữ hộ, do đó cần trả lại cho bà L quản lý và sử dụng là có căn cứ. Đối với số tiền: 1.390.000đ (*Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) bị tạm giữ khi bắt quả tang bị cáo Y: Qua điều tra và tại Tòa xác định trong đó có 200.000đ do bị cáo bán hêrôin cho An (150.000đ) và T (50.000đ) mà có do vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Còn 1.190.000đ do bị cáo bán gạo nếp vào sáng ngày 13/12/2016 mà có do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Cần truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền 280.000đ do bị cáo bán hêrôin cho An (100.000đ), Đ (30.000đ), T (100.000đ), Q (50.000đ) mà có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, hướng xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1/ Về tội danh: Bị cáo Long Văn Y phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2/ Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Long Văn Y **08** (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/12/2016.

- Áp dụng khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng chẵn*) để sung vào công quỹ Nhà nước.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 74; điểm a khoản 2, khoản 3 điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong “Vật chứng vụ Long Văn Y trú tại: xã T, huyện L, tỉnh Cao Bằng ” mặt sau có dấu giáp lai của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng cùng các chữ ký; 01 Căn tiểu ly đã qua sử dụng; 01 túi vải màu xám hình chữ nhật (loại túi tự khâu), có dây đeo bằng vải nhung màu đỏ, khóa kéo đã hỏng.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 Điện thoại di động Masstel A150 màu đỏ đen có số Imei 358211067414905, nắp sau bị vỡ ở góc bên trái.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) của bị cáo Y do phạm tội mà có.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 280.000đ (*Hai trăm tám mươi nghìn đồng*) của bị cáo Y do phạm tội mà có.

- Trả lại cho bị cáo Y: 01 Chứng minh nhân dân số 080503730 mang tên Y; 01 Giấy phép lái xe số AU238906 mang tên Y do Sở Giao thông vận tải Hà Nội cấp; 01 Giấy đăng ký Mô tô xe máy số 001962, BKS 11M1-012.02 chủ xe Long Văn Y và 01 Ví da màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Y số tiền: 1.190.000đ (*Một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bà L 01 Điện thoại di động Masstel A150 màu xám số Imei 358211060881787.

(*Toàn bộ vật chứng đã được giao tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản Giao nhận vật chứng, tài sản số: 10 ngày 03/4/2017*).

4/ Về án phí: Áp dụng các điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Y phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện; Trại giam;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tôn

- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu hồ sơ thi hành án hình sự.*